

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 30-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Xuân H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S (đã chết) và bà Phạm Thị L sinh năm 1970; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L sinh năm 1997 đã ly thân từ năm 2019 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: 01 tiền án, 01 tiền sự

- Tiền án: Bản án số 04/2018/HSST ngày 22-3-2018 của Tòa án nhân dân quận D xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích)

- Tiền sự: Quyết định số 18/QĐ-TA ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân quận D, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện đang tạm đình chỉ theo Quyết định tạm đình chỉ số 12 ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T

Bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2012 đến năm 2014. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-8-2020, đến ngày 27-8-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Hữu H, vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Thảo T, vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Quý L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 23-8-2020, H đi một mình đến khu vực đường tàu T, quận L gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 02 loại ma túy gồm Ketamine và MDMA hết số tiền 2.400.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân. Người phụ nữ này đưa cho H 02 túi nilon ma túy (01 túi bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng cùng 01 viên nén hình vuông màu ghi xám; 01 túi bên trong chứa 05 viên nén hình chữ nhật màu ghi xám cùng 01 túi nhỏ bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng), mua xong H mang số ma túy trên về nhà cất giấu. Khoảng hơn 14 giờ ngày 25-8-2020, H đi tìm chỗ để sử dụng ma túy nên đã mượn xe mô tô BKS 16N3-7176 của anh Bùi Viết D (là bạn của H) với lý do đi công việc. Sau khi mượn được xe, H bảo chị Phạm Thị Thảo T (bạn của H) đi cùng mục đích nhờ chị Trinh mang xe về. Trước khi đi H đã giấu toàn bộ số ma túy mua ngày 23-8-2020 vào trong ống quần bên trái rồi điều khiển xe mô tô BKS 16N3-7176 chở chị T đi cùng. Khi đến tổ dân phố N 2, phường A thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy H mang theo.

Kết luận giám định số 545/KLGD-MT ngày 27/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận:

- Mẫu số 1: Tinh thể màu trắng là ma túy có khối lượng 0,28 gam, là loại Ketamine;

- Mẫu số 2: 01 viên nén màu ghi xám là ma túy có khối lượng 0,18 gam, là loại MDMA.

- Mẫu số 3: 05 viên nén màu ghi xám là ma túy có khối lượng 1,70 gam là loại MDMA.

- Mẫu số 4: Tinh thể màu trắng là ma túy có khối lượng 1,37 gam, là loại: Ketamine.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Xuân H khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Về vật chứng: 01 xe mô tô BKS 16N3 - 7176, kết quả giám định có số khung RLCS6407Y015632 và số máy 5C64 – 015632 là số nguyên thủy của nhà sản xuất, đăng ký mang tên Phạm Thị Thu H, địa chỉ: Đ, N, Hải Phòng, chị H khai nhận đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết. Quá trình điều tra chưa làm rõ được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật; 01 phong bì niêm phong ma túy còn lại sau giám định chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Bùi Xuân H quá trình điều tra chưa xác định được căn cước lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Phạm Thị Thảo T, quá trình điều tra xác định khi đi cùng, chị T không biết việc H mang theo ma túy để sử dụng nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 30-11-2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Bùi Xuân H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Xuân H với mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 25-8-2020, tại tổ dân phố N 2, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng, Bùi Xuân H có hành vi cất giấu trái phép trong người 1,88 gam MDMA và 1,65 gam Ketamine để sử dụng cho bản thân thì bị bắt quả tang. Vì bị cáo Bùi Xuân H tàng trữ 1,88 gam MDMA và 1,65 gam Ketamine nên thuộc trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, trong đó có 02 chất ma túy MDMA và Ketamine có khối lượng thuộc quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Theo điểm a, b khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018 ngày 02-02-2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015: “Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau đó cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy”. Vậy nên tổng tỉ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy được tính như sau: $(1,88 : 5) \times 100\% + (1,65 : 20) \times 100\% = 45,85\%$. Tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng các chất ma túy bị cáo H tàng trữ dưới 100% nên tổng khối lượng các chất ma túy thuộc khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy, bị cáo đã tàng trữ 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, vi phạm điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là tác nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có tiền án (chưa được xóa án tích), đang tạm đình chỉ việc đi cai nghiện bắt buộc vì lý do sức khỏe nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Mặt khác, với khối lượng ma túy tàng trữ như đã phân tích ở trên cần có hình phạt nghiêm khắc, xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự quận D đang quản lý 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng số ma túy còn lại sau giám định. Xét thấy, số vật chứng này liên quan đến việc phạm tội, là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Bùi Xuân H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-8-2020.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng số ma túy còn lại sau giám định (theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 07-12-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an Q.D;
- PV06; PC10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- **Trại tạm giam** Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Hải